

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17-02-2022
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DPH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu TrPg

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Bá Đức
2. Bà Mai Thị Nhặc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 225/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Bé N**, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Ấp P Phước, xã P Thới, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1965; Nơi cư trú: Ấp Tân P, xã Thành Thới B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai bà Nguyễn Thị Bé N trình bày:

Bà N và ông L quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào năm 1989. Sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy bP nhân dân xã B, huyện N, tỉnh T, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/11/1996. Sau khi thành hôn vợ chồng sống tại ấp T, xã B, huyện N, tỉnh T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc và có hai con chung, đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quP điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà N và ông L sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Trong thời giP ly thân vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N xin ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà N và ông L có hai con chung là Nguyễn Hữu K, sinh ngày 20/02/1992 và Nguyễn Thị Thúy P, sinh ngày 20/5/1994, các con đã trưởng thành, có khả năng lao động nên bà L không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà N và Ngân hàng N đã thỏa thuận và thống nhất không yêu cầu giải quyết khoản nợ vay 200.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn L tại Ngân hàng N

Bị đơn là ông Nguyễn Văn L vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn L cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của ông L về những nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà N.

Tại Văn bản số: 234/NHNôMCN-KHKD ngày 25/10/2021 Ngân hàng N có ý kiến đối với khoản nợ vay của ông Nguyễn Văn L tại Ngân hàng N: Sau khi rà soát thông tin về hồ sơ vay vốn của ông Nguyễn Văn L, Ngân hàng N xác định không tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé N đối với ông Nguyễn Văn L thì vụ án có quan hệ pháp luật chấp là “Ly hôn”. Quan hệ pháp luật chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Ông Nguyễn Văn L có nơi cư trú tại xã Thành Thới B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Bà Nguyễn Thị Bé N có đơn xin giải quyết vắng mặt; ông Nguyễn Văn L đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt bà N, ông L theo quy định tại các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4] Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam có văn bản từ chối tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên xác định Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam không phải là đương sự trong vụ án.

[2] Về nội dung pháp luật chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bé N và ông Nguyễn Văn L tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thành Thới B, huyện

Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Bà L cho rằng hôn nhân giữa bà và ông L không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với ông L. Theo bà N trình bày thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do giữa bà và ông L bất đồng quP điểm sống và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng; bà N và ông L đã sống ly thân nhiều năm, không thể hàn gắn tình cảm được. Quá trình Tòa án giải quyết thì ông L không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến của ông L về hôn nhân giữa bà N và ông L và cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích hàn gắn đoàn tụ. Từ đó cho thấy quP hệ hôn nhân giữa bà N và ông L đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N đối với ông L là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về con chung: Bà N và ông L có hai con chung là Nguyễn Hữu K, sinh ngày 20/02/1992 và Nguyễn Thị Thúy P, sinh ngày 20/5/1994, các con đã trưởng thành, có khả năng lao động, bà N không yêu cầu giải quyết về con chung, ông L vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của ông L về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Bà N trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung; ông L vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của ông L về việc yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Bà N và Ngân hàng N không yêu cầu giải quyết khoản nợ vay 200.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn L tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Mỏ Cày Nam; ông L vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của ông L về việc yêu cầu chia nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Bà N là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bP Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé N, cụ thể:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bé N được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.
2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bé N và ông Nguyễn Văn L có hai con chung là Nguyễn Hữu K, sinh ngày 20/02/1992 và Nguyễn Thị Thúy P, sinh ngày 20/5/1994, các con chung đã trưởng thành, bà Nguyễn Thị Bé N và ông Nguyễn Văn L không yêu cầu giải quyết về con chung nên không xem xét.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.
4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bé N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số tòa án số 0001471 ngày 14/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.
5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự ^(2b) ;
- TPD tỉnh Bến Tre ^(1b) ;
- VKSND huyện Mô Cày Nam ^(1b) ;
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam ^(1b) ;
- UBND xã Thành Thới B ^(1b) ;
- Lưu HS, VP ^(2b) TC:8b .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu TrPg

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

